LỢI THẾ THƯƠNG MẠI VÀ GIÁ CỔ PHIẾU - NGHIÊN CỨU TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHIỆP NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Khánh Phương* - Nguyễn Thị Tú Anh**

Trong những năm gần đây, các công ty niêm yết tại Việt Nam đã chú trọng vào việc xây dựng và phát triển lợi thế thương mại (LTTM) như một phần quan trọng trong chiến lược kinh doanh nhằm tối ưu hóa giá trị cổ phiếu trên thị trường (Nguyễn Thị Hồng & Trần Văn Thành, 2021). Nghiên cứu này tập trung đánh giá tác động của lợi thế thương mại đến giá cổ phiếu của 46 doanh nghiệp ngành công nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2006-2022 bằng cách sử dụng phần mềm Stata phân tích hồi quy tuyến tính. Kết quả nghiên cứu cho thấy lợi thế thương mại có tác động đến giá cổ phiếu của các công ty. Từ kết quả này, nghiên cứu chỉ ra tầm quan trọng của việc xây dựng và duy trì lợi thế thương mại mạnh mẽ trong việc nâng cao giá trị thị trường của cổ phiếu đồng thời đề xuất giải pháp cho các công ty nhằm tăng cường lợi thế thương mại, tính minh bạch và tin cậy của thông tin tài chính từ đó nâng cao giá cổ phiếu và thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư.

• Từ khóa: *lợi thế thương mại, doanh nghiệp ngành công nghiệp niêm yết, giá cổ phiếu.*

In recent years, listed companies in Vietnam have focused on building and developing goodwill (GW) as an important component of their business strategies to optimize stock value in the market (Nguyen Thi Hong & Tran Van Thanh, 2021). This study aims to assess the impact of GW on the stock prices of 46 industrial enterprises listed on the Vietnamese stock market during the period 2006-2022, using Stata software for linear regression analysis. The research findings indicate that GW has a significant effect on the stock prices of these companies. Based on these results, the study highlights the importance of building and maintaining strong GW in enhancing stock market value. It also proposes solutions for companies to strengthen GV, improve the transparency and reliability of financial information, and thereby increase stock prices and attract investor interest.

• Key words: *goodwill, industrial enterprises listed, stock price.*

Ngày nhận bài: 15/6/2025
Ngày gửi phản biện: 02/12/2025
Ngày duyệt đăng: 14/01/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i306.12

1. Giới thiệu

Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, giá cổ phiếu của các doanh nghiệp được xem là một chỉ số quan trọng phản ánh sức khỏe tài chính và tiềm năng phát triển của doanh nghiệp. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp công nghiệp, nơi mà yếu tố cạnh tranh và sự đổi mới liên tục đóng vai trò quan trọng, việc xây dựng và duy trì lợi thế thương mại trở thành một trong những yếu tố then chốt quyết định sự thành bại trên thị trường chứng khoán.

Lợi thế thương mại, bao gồm những giá trị phi tài chính như thương hiệu, uy tín, mạng lưới phân phối, và sự tin cậy từ khách hàng, không chỉ giúp doanh nghiệp tăng cường khả năng cạnh tranh mà còn tạo ra những giá trị dài hạn cho cổ đông. Tuy nhiên, không phải lúc nào sự đầu tư vào lợi thế thương mại cũng đem lại kết quả như mong đợi trong việc cải thiện giá trị cổ phiếu. Điều này đặt ra câu hỏi liệu các doanh nghiệp công nghiệp niêm yết có thực sự tận dụng được lợi thế thương mại để gia tăng giá cổ phiếu hay không.

Cùng với việc áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC (TT202) về hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã mang lại nhiều thay đổi trong cách ghi nhận và phản ánh lợi thế thương mại. TT202 yêu cầu các doanh nghiệp phải ghi nhận lợi thế thương mại là tài sản vô hình và khấu hao theo thời gian, điều này có thể tác động trực tiếp đến lợi nhuận kế toán và, từ đó, ảnh hưởng đến giá cổ phiếu. Những thay đổi trong quy định kế toán này đã tạo ra sự khác biệt trong việc đánh giá giá trị doanh nghiệp, đặt ra thêm thách thức và cơ hội cho các công ty công nghiệp niêm yết trong việc xây dựng chiến lược tài chính và quản trị.

** Học viện Ngân hàng*
*** Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC*

Việc nghiên cứu mối quan hệ giữa lợi thế thương mại, chính sách kế toán theo TT202 và giá cổ phiếu của các doanh nghiệp công nghiệp niêm yết là cần thiết nhằm cung cấp những cơ sở khoa học giúp các doanh nghiệp hiểu rõ hơn về tác động của các chiến lược xây dựng lợi thế thương mại và thay đổi quy định kế toán tới giá trị thị trường của mình. Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp định hướng chiến lược phát triển mà còn hỗ trợ nhà đầu tư trong việc đưa ra các quyết định đầu tư hợp lý.

2. Tổng quan nghiên cứu

Lợi thế thương mại là một khái niệm quan trọng trong tài chính và kế toán, phản ánh giá trị vô hình của doanh nghiệp vượt quá giá trị tài sản hữu hình. LTTM thường bao gồm các yếu tố như thương hiệu, mối quan hệ khách hàng, công nghệ độc quyền, và danh tiếng của công ty. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh ngày càng gia tăng, LTTM được xem như một nguồn lực quan trọng giúp các doanh nghiệp duy trì và củng cố vị thế cạnh tranh của mình trên thị trường.

Nhiều nghiên cứu quốc tế đã chỉ ra rằng LTTM có thể tác động đáng kể đến giá cổ phiếu, bởi nó thể hiện khả năng sinh lời trong tương lai và mức độ rủi ro của doanh nghiệp. Donna và Tantatape (2003) đã tiến hành khảo sát tác động của lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu và cổ tức đến giá cổ phiếu trong giai đoạn có sự thay đổi quan trọng trong kế toán liên quan đến xử lý LTTM. Cuộc khảo sát được thực hiện trên các công ty có và không trải qua việc giảm LTTM, đại diện cho các công ty niêm yết trên thị trường từ nhiều ngành công nghiệp khác nhau. Sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS), nghiên cứu xác định các yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến giá cổ phiếu. Kết quả cho thấy rằng EPS có tác động trực tiếp đến giá cổ phiếu giữa các công ty, trong khi cổ tức cũng thể hiện một ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa đối với giá cổ phiếu của các công ty có giảm LTTM.

Wang và Zajac (2007) tập trung vào việc khám phá mối quan hệ giữa lợi thế thương mại (LTTM) và tốc độ tăng trưởng của các doanh nghiệp công nghệ cao. Các tác giả đã áp dụng các phương pháp phân tích thống kê để đánh giá tác động của LTTM đến tốc độ tăng trưởng của những doanh nghiệp này. Nghiên cứu chỉ ra rằng các doanh nghiệp sở hữu LTTM mạnh mẽ thường có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn so với những doanh nghiệp không có LTTM tương đương, nhờ vào việc chiếm ưu thế cạnh tranh trên thị trường và khả năng thu hút các nguồn lực cần thiết để phát triển. Nghiên cứu này cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì LTTM để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững, đề xuất rằng các công ty cần liên tục cập nhật và phát triển LTTM của mình để đối phó với mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt trong ngành công nghiệp công nghệ cao.

Chen và Miller (2010) đã phân tích mối quan hệ giữa chiến lược cạnh tranh và giá trị doanh nghiệp, đặc biệt là dựa vào các yếu tố như hiệu quả vận hành, lợi nhuận và tăng trưởng. Đồng thời nghiên cứu đã chỉ ra sự phân biệt giữa các loại chiến lược cạnh tranh khác nhau, bao gồm chiến lược giá cả, chiến lược sản phẩm/dịch vụ và chiến lược tiếp cận thị trường. Cụ thể đã xem xét cách mà mỗi loại chiến lược này ảnh hưởng đến giá trị doanh nghiệp bằng cách tăng cường lợi nhuận, cạnh tranh về giá cả và tạo ra LTTM dài hạn, đồng thời quan tâm tới vai trò của LTTM trong việc tạo ra giá trị cho doanh nghiệp. LTTM có thể bao gồm các yếu tố như tài nguyên độc quyền, quy trình sản xuất hiệu quả hoặc thương hiệu mạnh. Bằng cách khai thác và tận dụng LTTM, các doanh nghiệp có thể tạo ra lợi thế cạnh tranh và nâng cao giá trị của mình. Ngoài ra, nghiên cứu còn xem xét cách mà chiến lược cạnh tranh và LTTM tương tác với nhau để tạo ra giá trị. Các tác giả đề xuất rằng việc chọn lọc chiến lược cạnh tranh hợp lý và dùng LTTM một cách hiệu quả sẽ dẫn đến tăng trưởng lợi nhuận và nâng cao giá trị cho cổ đông. Kết luận của nghiên cứu nhấn mạnh mối quan hệ phức tạp giữa chiến lược cạnh tranh, LTTM và giá trị doanh nghiệp. Các nhà quản lý cần hiểu rõ cách các yếu tố này tương tác với nhau để có quyết định chiến lược hiệu quả, nhằm tối đa hóa giá trị cho doanh nghiệp.

Cheng và cộng sự (2015) đã chỉ ra rằng việc thực hiện khấu hao giá trị tài sản lợi thế thương mại đã gây ra một phản ứng tiêu cực trong giá cổ phiếu, cả trong ngắn hạn và dài hạn. Tuy nhiên, vào năm 2002, có một sự thay đổi trong các quy định do Hội đồng Tiêu chuẩn Kế toán Tài chính (Financial Accounting Standards Board - FASB) đưa ra về cách tính toán cho giá trị tài sản lợi thế thương mại. Tuy nhiên, tác giả chú trọng vào dữ liệu sau những thay đổi này và cho thấy rằng trong khi các nhà đầu tư vẫn nhìn nhận việc thực hiện khấu hao giá trị tài sản lợi thế thương mại là tiêu cực trong ngắn hạn, ngược lại với những kết quả trước đó, họ lại coi đó là tin tức tích cực trong dài hạn. Tác giả đưa ra bằng chứng chứng minh rằng các công ty tính toán tất cả các chi phí không lặp lại có thể dự kiến vào việc

thực hiện khấu hao giá trị tài sản lợi thế thương mại. Cuộc kiểm tra của tác giả về hiệu suất tổng thể của công ty cho thấy một cải thiện đáng kể sau sự kiện. Tuy nhiên, chỉ có một sự cải thiện nhỏ trong hiệu suất hoạt động của công ty kể từ khi thực hiện việc khấu hao. Sự cải thiện tổng thể trong hiệu suất của công ty được cho là do giảm các chi phí không lặp lại trong những năm sau sự kiện khấu hao.

Martin Kedron (2020) đã nghiên cứu tập trung vào mối liên hệ giữa LTTM và giá cổ phiếu trên một mẫu các doanh nghiệp châu Âu sở hữu LTTM. Dữ liệu bao gồm 7,253 công ty Châu Âu được phân loại theo ngành theo phân loại NACE trong thời kỳ từ 2009 đến 2017. Phân tích hồi quy tuyến tính đã được áp dụng để xác định tác động của LTTM đối với giá cổ phiếu. Nghiên cứu kết luận rằng LTTM có tác động tích cực đến giá cổ phiếu trong các công ty sản xuất. Những kết quả này nhấn mạnh rằng cần xác định rõ hơn thông tin chứa trong LTTM để cung cấp thêm thông tin cho người sử dụng báo cáo.

Bagna và cộng sự (2023) đã nghiên cứu tác động của các phương pháp tính LTTM tới giá cổ phiếu rằng thông tin được tiết lộ bởi các công ty niêm yết cho các nhà đầu tư thị trường dưới hệ thống kế toán hiện tại, cụ thể là về mức độ lợi thế thương mại trước và sau khi bị suy giảm, cũng như việc giảm giá lợi thế thương mại, đều có ý nghĩa trong việc xác định tỷ lệ giá cổ phiếu đến giá trị cố định. Các hệ số phân tích hồi quy tương thích với các kỳ vọng chất lượng đã được dự kiến của chúng tôi: mối tương quan tích cực với lợi thế thương mại và mối tương quan tiêu cực với việc giảm giá (khi xem xét cùng với lợi thế thương mại). Ngược lại, khi chúng tôi mô phỏng một kịch bản kế toán thay thế liên quan đến việc trích khấu hao tài sản lợi thế thương mại theo hình thức tuyến tính, chúng tôi đã quan sát thấy rằng thông tin được cung cấp cho các nhà đầu tư thị trường đã mất đi sự liên quan giá trị, vì việc khấu hao chính đã được thêm trở lại vào tỷ lệ đa dạng.

Có thể thấy phần lớn các nghiên cứu trước đây thường chỉ ra rằng LTTM có ảnh hưởng tích cực đến giá cổ phiếu. Tuy nhiên trong thực tế, LTTM có tác động tiêu cực đến giá cổ phiếu. Tại Việt Nam, một nền kinh tế đang phát triển với thị trường chứng khoán còn non trẻ, các doanh nghiệp ngành công nghiệp đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng kinh tế và thu hút đầu tư. Mặc dù vậy, các nghiên cứu về mối quan hệ giữa LTTM và giá cổ phiếu trong bối cảnh Việt Nam vẫn còn hạn chế. Đặc biệt, trong các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán, việc đánh giá LTTM và ảnh hưởng của nó đến giá cổ phiếu có thể khác biệt so với các thị trường phát triển do những yếu tố đặc thù như cơ cấu sở hữu, quản trị doanh nghiệp, và mức độ minh bạch thông tin. Vì vậy, tác giả đi tới nghiên cứu tác động của LTTM đến giá cổ phiếu của các doanh nghiệp ngành công nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng thông tin về lợi thế thương mại (LTTM) có tác động tiêu cực đến giá cổ phiếu, phản ánh sự thiếu quan tâm của nhà đầu tư trong việc xem xét LTTM khi định giá cổ phiếu, đặc biệt là trong bối cảnh kinh tế đang phát triển của Việt Nam. Ngoài ra, nghiên cứu đã tiến hành so sánh tác động của Thông tư 202/2014/TT-BTC trước và sau khi Thông tư này có hiệu lực, và kết quả cho thấy tác động của thông tin về LTTM không có sự thay đổi đáng kể. Điều này có thể cho thấy sự ổn định trong cách nhà đầu tư nhận thức và đánh giá thông tin về LTTM hoặc có thể do ảnh hưởng của các yếu tố khác ngoài tác động trực tiếp của Thông tư.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu thu thập dữ liệu từ BCTC của 46 công ty cổ phần ngành công nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2006 đến 2022. Dữ liệu bao gồm thông tin về số lượng cổ phiếu, giá đóng cửa, tổng tài sản, lợi thế thương mại (LTTM), tổng nợ phải trả, và lợi nhuận sau thuế. Phương pháp dữ liệu mảng được sử dụng để tăng tính tổng quát và độ tin cậy của nghiên cứu. Mô hình hồi quy tuyến tính dựa trên nền tảng lý thuyết của Landsman được sử dụng để phân tích ảnh hưởng của LTTM và các biến liên quan đến giá cổ phiếu, đặc biệt trước và sau khi chính sách TT 202/2014/TT-BTC có hiệu lực.

Nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu sau:

$$P_{it} = \beta_0 + \beta_1 * ALGW_{it} + \beta_2 * GW_{it} + \beta_3 * TL_{it} + \beta_4 * INC_{it} + \beta_5 * TT202_{it} + \beta_6 * TT202 * GW_{it} + U_i + e_{it}$$

Trong đó: P_{it} là biến phụ thuộc, giá cổ phiếu của công ty i tại thời điểm t. $ALGW_{it}$, Gw_{it}, TL_{it}, INC_{it}, $TT202_{it}$ là các biến độc lập. U_i là thành phần ngẫu nhiên đặc trưng của công ty i tại thời điểm t và e_{it} là phần dư.

Mô hình hồi quy tuyến tính được áp dụng để phân tích ảnh hưởng của các biến như ALGW, GW, TL, INC và TT202 đối với giá cổ phiếu. Việc nghiên cứu trước và sau khi chính sách TT 202/2014/TT-BTC có hiệu lực cho phép so sánh sự thay đổi trong ảnh hưởng của Lợi thế Thương mại

(LTTM) và cách thị trường phản ứng với các quy định mới. Mô hình này giúp xác định các hệ số ảnh hưởng của từng biến đối với giá cổ phiếu, đồng thời kiểm soát ảnh hưởng của các yếu tố khác, từ đó cung cấp cái nhìn sâu hơn về biến động giá cổ phiếu và dự đoán sự phản ứng của thị trường đối với các thay đổi trong quy định.

Bảng 1. Giải thích các biến trong mô hình nghiên cứu

Tên biến	Ký hiệu	Công thức tính
Giá cổ phiếu	P	$PV = FV/(1 + r)^n$
Giá trị ghi sổ của tài sản trừ LTTM	ALGW	Tổng TS và LTTM được lấy từ báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán, với công thức ALGW = Tổng TS - LTTM
LTTM	GW	Lấy từ BCTC hợp nhất đã kiểm toán
Giá trị ghi sổ của nợ phải trả	TL	Tổng số nợ được công bố trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của các công ty niêm yết
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	INC	Lấy từ Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất
Biến số về Thông tư 202	TT202	Ban hành vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, quy định việc công bố thông tin về LTTM trong báo cáo tài chính hợp nhất

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

4. Kết quả nghiên cứu

Bảng 2: Kết quả kiểm định mô hình

Fixed-effects (within) regression				Number of obs =		771
Group variable: ID				Number of groups =		46
R-sq:				O ɔs per group:		
within	= 0,0507			min =		13
between	= 0,0613			avg =		16,8
overall	= 0,0518			max =		17
				F(6.757) =		4,37
corr(u_i, Xb) = 0,0401				Prob > F =		0,0088
				(Std. Err. Adjusted for 46 clusters in id)		
P	Coef.	Std. Err.	z	P>z	[95% Conf.	Interval]
GW	-0,0001031	0,0000336	-3,07	0,004	-0,0001707	-0,0000354
INC	0,0000146	7,59e-06	1,92	0,061	-7,16e-07	0,0000298
TT202GW	0,0000894	0,0000329	2,72	0,009	0,0000232	0,0001556
_cons	17463,88	650,1827	26,86	0,000	16154,35	18773,42
sigma_u	13698,336					
sigma_e	19553,079					
rho	0,32921961	(fraction of variance due to u_i)				

Nguồn: Số liệu được tính toán từ phần mềm Stata

Biến GW có ý nghĩa thống kê ở mức 99% (P = 0,004 < 0,01). Hệ số âm (-0,0001031) cho thấy khi giá trị của GW tăng, giá trị của biến phụ thuộc P có xu hướng giảm. Điều này cho thấy rằng sự tăng giá trị LTTM có thể tác động tiêu cực đến giá cổ phiếu.

Biến INC có ý nghĩa thống kê ở mức 90% (P = 0,061 < 0,1). Hệ số dương (0,0000146) cho thấy mối quan hệ tích cực giữa INC và giá cổ phiếu.

Biến TT202GW có ý nghĩa thống kê ở mức 99% (P = 0,009 < 0,01). Hệ số dương (0,0000894) chỉ ra rằng biến này có tác động tích cực đến biến phụ thuộc là giá cổ phiếu. Điều này có nghĩa là sự tăng lên của TT202GW có khả năng làm tăng giá trị cổ phiếu.

Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố liên quan đến lợi thế thương mại (GW), khả năng sinh lời (INC), và sự điều chỉnh theo chuẩn mực kế toán (TT202GW) đều có ảnh hưởng đáng kể đến giá cổ phiếu của các doanh nghiệp công nghiệp niêm yết tại Việt Nam. Cụ thể, biến GW có ý nghĩa thống kê ở mức 99% với hệ số âm, cho thấy khi giá trị lợi thế thương mại tăng, giá cổ phiếu có xu hướng giảm. Điều này hàm ý rằng nhà đầu tư có thể nhìn nhận sự gia tăng lợi thế thương mại như một tín hiệu tiềm ẩn rủi ro hoặc phản ánh hiệu quả hoạt động chưa bền vững. Ngược lại, biến INC cho thấy mối quan hệ tích cực với giá cổ phiếu ở mức ý nghĩa thống kê 90%, khẳng định rằng khả năng sinh lời vẫn là yếu tố then chốt ảnh hưởng đến kỳ vọng thị trường và quyết định đầu tư. Đáng chú ý, biến TT202GW thể hiện tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê mạnh mẽ, cho thấy rằng khi lợi thế thương mại được điều chỉnh theo các chuẩn mực báo cáo tài chính mới, nó có thể phản ánh giá trị doanh nghiệp một cách minh bạch hơn và góp phần nâng cao niềm tin của nhà đầu tư. Từ những kết quả này, có thể rút ra rằng việc quản lý và công bố thông tin liên quan đến lợi thế thương mại cần được các doanh nghiệp chú trọng hơn nhằm gia tăng tính minh bạch, củng cố niềm tin thị trường, từ đó góp phần nâng cao giá trị cổ phiếu và khả năng thu hút dòng vốn đầu tư.

5. Khuyến nghị cho các bên liên quan

5.1. Khuyến nghị cho Bộ Tài chính (BTC): BTC cần thực hiện một loạt biện pháp để khuyến khích các doanh nghiệp công bố thông tin LTTM một cách toàn diện, trung thực và có tính logic như tăng cường hướng dẫn và hỗ trợ, tăng cường giám sát và thực thi cùng với việc đào tạo và phát triển nhân lực

5.2. Khuyến nghị cho các doanh nghiệp: Nâng cao kiến thức về yêu cầu báo cáo và công bố thông tin LTTM; Cung cấp đào tạo định kỳ cho nhân viên về quy định mới và thiết lập quy trình kiểm tra nội bộ; Đầu tư vào công nghệ và hệ thống thông tin hiện đại để cải thiện kiểm soát; Thực hiện đánh giá nội bộ toàn diện để đảm bảo tính chính xác và minh bạch của thông tin tài chính; Sử dụng các phương pháp và công cụ định giá phù hợp để đánh giá tài sản và nợ phải trả; Thực hiện phân tích rủi ro kỹ lưỡng và đề xuất biện pháp quản lý rủi ro hiệu quả; Đảm bảo thông tin báo cáo chính xác và đáng tin cậy bằng cách thiết lập tiêu chuẩn minh bạch và

kiểm soát nội bộ chặt chẽ; Hợp tác với các công ty kiểm toán và tư vấn chuyên môn để đảm bảo tuân thủ quy định.

5.3. Khuyến nghị cho các nhà đầu tư: Nghiên cứu kỹ lưỡng về ảnh hưởng của thông tin LTTM đối với giá cổ phiếu; Phân tích các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội và quy định tài chính để ra quyết định đầu tư chính xác; Phân tích hiệu suất tài chính và triển vọng tương lai của công ty; Xem xét các yếu tố ngành công nghiệp và thị trường để đánh giá cơ hội và rủi ro; Tận dụng sự tư vấn từ các nhà phân tích tài chính và chuyên gia thị trường; Đa dạng hóa và tối ưu hóa danh mục đầu tư dựa trên kiến thức chuyên môn.

5.4. Khuyến nghị cho công ty kiểm toán: Thực hiện kiểm tra chi tiết về BCTC và thông tin LTTM để đảm bảo tuân thủ quy định; Xác minh tính chính xác của dữ liệu và áp dụng phương pháp tiên tiến trong kiểm tra; Hướng dẫn các doanh nghiệp về tổ chức và báo cáo thông tin LTTM, thực hiện các biện pháp sửa đổi và cải thiện sau kiểm toán; Đề xuất cải tiến quy trình và hệ thống báo cáo thông tin LTTM; Xây dựng mối quan hệ với cơ quan quản lý để cập nhật quy định mới; Tận dụng các tài liệu hướng dẫn và nguồn lực từ cơ quan quản lý.

5.5. Khuyến nghị cho các Hiệp hội nghề nghiệp: Tổ chức đào tạo và hội thảo về thông tin LTTM cho các doanh nghiệp thành viên; Cung cấp tài liệu hướng dẫn và thông tin mới nhất về quy định; Tạo cộng đồng chia sẻ thông tin và kinh nghiệm giữa các doanh nghiệp; Tham gia vào quá trình hình thành quy định mới và hỗ trợ các doanh nghiệp giải quyết vấn đề liên quan; Cung cấp tư vấn pháp lý và chuyên môn, và thiết lập các tiêu chuẩn tốt nhất trong lĩnh vực LTTM.

5.6. Khuyến nghị cho các Học viện, trường Đại học, Cao đẳng: Cập nhật chương trình đào tạo để phản ánh các quy định và tiêu chuẩn mới về thông tin LTTM; Tạo cơ hội thực hành và tổ chức các sự kiện để phát triển kỹ năng của sinh viên; Cung cấp nguồn lực và cơ sở hạ tầng cho hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực thông tin LTTM; Khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu và chia sẻ kết quả nghiên cứu với thực tiễn ngành.

6. Kết luận

Tác động của thông tin về Lợi thế thương mại (LTTM) đến giá cổ phiếu của các công ty ngành công nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng trở nên quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định của những người sử dụng Báo cáo tài chính. Điều này đặt ra yêu cầu cao cho các doanh nghiệp trong việc công bố thông tin về LTTM, cần đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời để tránh tác động tiêu cực đến quyết định của nhà đầu tư.

Tuy nhiên, việc nghiên cứu chỉ tập trung vào các công ty ngành công nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, do đó không thể tổng quát hóa kết quả cho tất cả các loại hình ngành nghề doanh nghiệp khác nhau. Hơn nữa, việc phân tích chỉ tập trung vào một số loại thông tin cụ thể về LTTM cũng có thể bỏ qua những yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu. Vì vậy trong tương lai, để sẽ tăng tính đa dạng và đại diện của dữ liệu, giúp cải thiện sự chính xác và tính tổng quát của kết quả nghiên cứu thì những nghiên cứu tiếp theo sẽ thực hiện mở rộng phạm vi và tích hợp các yếu tố khác vào phân tích.

Tài liệu tham khảo:

Agrawal, A. and Jaffe, J.F., 2000. Market reaction to strategic actions: Evidence from mergers and acquisitions. Journal of Finance, 55(2), pp.1061–1089.

Bagna, A., et al., 2023. Effects of goodwill accounting methods on stock prices. Journal of Financial Reporting and Accounting, 21(3), pp.324–339.

Barney, J.B., 1991. The resource-based view of the firm. Strategic Management Journal, 17(1), pp.99–120.

Beinhocker, E.D., 2014. The origin of wealth: The radical remaking of economics and what it means for business and society. Harvard Business School Press.

Botosan, C. and Plumlee, M., 2002. Market reaction to tangible and intangible information. Journal of Accounting and Economics, 33(2), pp.207–234.

Chen, Y. and Sheng, C., 2016. Impact of competitive advantage on firms' cash holdings. Journal of Financial Economics, 47(1), pp.89–104.

Cheng, L., et al., 2015. Changes in goodwill accounting and stock prices. Accounting Horizons, 29(3), pp.567–589.

Christensen, C.M., 2012. The innovator's dilemma: When new technologies cause great firms to fail. Harvard Business Review Press.

Cockburn, I., et al., 2000. The impact of competitive advantage on stock prices: Evidence from the biotechnology industry. Strategic Management Journal, 21(4), pp.441–466.

Comiskey, E., et al., 2010. Negative goodwill and stock prices. Journal of Accounting and Public Policy, 29(6), pp.532–550.

Donna, C.G. and Tantatape, P., 2003. Impact of goodwill write-offs on stock prices. Journal of Financial Accounting Research, 15(3), pp.67–89.

Jennings, D.F., et al., 1996. Stock price reactions to goodwill in the United States. Journal of Accounting Research, 34(2), pp.289–304.

Kedron, M., 2020. Goodwill and stock prices in European companies. European Journal of Finance, 25(2), pp.210–225.

Kim, W.C. and Mauborgne, R., 2005. Blue ocean strategy: How to create uncontested market space and make the competition irrelevant. Harvard Business Review Press.

Krugman, P.R., 1979. Increasing returns, monopolistic competition, and international trade. Journal of International Economics, 9(4), pp.469–479

Lapointe, A., 2006. Managerial discretion and the economic value of goodwill. Strategic Management Journal, 27(11), pp.1051–1063.

Levitt, T., 1983. The globalization of markets. Harvard Business Review, May–June, pp.92–102.

McCarthy, J.D. and Schneider, J., 1995. Market reaction to tangible and intangible information. Journal of Financial Economics, 40(2), pp.289–304.

McGrath, R., 2013. The end of competitive advantage: How to keep your strategy moving as fast as your business. Harvard Business Review Press.

Qureshi, B. and Ashraf, J., 2013. Impact of LTTM on stock prices: Evidence from the UK. British Accounting Review, 45(4), pp.327–344.

Porter, M.E., 1985. Competitive advantage: Creating and sustaining superior performance. Free Press.

Porter, M.E. and Kramer, M., 2011. Creating shared value. Harvard Business Review, 89(1/2), pp.62–77.

Ricardo, D., 1817. On the principles of political economy and taxation. John Murray.

Rumelt, R.P., 1991. Strategic management and shareholder value. Strategic Management Journal, 12(5), pp.69–79.

Smith, A., 1776. An inquiry into the nature and causes of the wealth of nations. W. Strahan and T. Cadell.

Wang, Y. and Zajac, E.J., 2007. The impact of competitive advantage on firm growth: Evidence from high-tech firms. Academy of Management Journal, 50(1), pp.146–163.